

CÔNG TY CPDP NAM HÀ
Nam Ha joistock company

Số: *01* /BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Nam Định, ngày *15* tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2016/TT-BTC on October 06, 2016 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ **Năm báo cáo: 2020**

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*:
0600206147
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **52.000.000.000 VND**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **0 VND**
- Địa chỉ / *Address*: 415 đường HànThuyên, Phường Vị Xuyên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Điện thoại/ *Telephone*: 02283.649408 Fax: 02283.636675
- Website: <http://namhapharma.com>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*:

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà được thành lập năm 1960, tiền thân là Công ty hợp danh Dược phẩm Ích Hoa Sinh. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, năm 2000 doanh nghiệp được cổ phần hóa và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (*NamHa Pharma*). Ngay sau cổ phần hóa, công ty đã đầu tư dây chuyền sản

xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN, phòng kiểm tra thuốc đạt GLP-ASEAN. Năm 2002, Dược Nam Hà trở thành một trong những công ty đầu tiên được Bộ Y tế cấp chứng nhận nhà máy đạt chuẩn GMP và GLP (lần thứ nhất). Đến nay, Dược Nam Hà đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng mua sắm trang thiết bị, công nghệ; nâng cấp hệ thống nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh đạt tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO-9001: 2015. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin vào sản xuất, kinh doanh.

Với quan điểm thống nhất trong bộ máy lãnh đạo, đặc biệt giữ vững phương châm “Chất lượng là yếu tố tiên quyết tạo nên sản phẩm giá trị”, Công ty đã từng bước phát triển ổn định, tạo dựng được uy tín trên thị trường. Các sản phẩm mang thương hiệu “Dược Nam Hà” sau khi đưa ra thị trường đều được người tiêu dùng hết lòng tin tưởng và đón nhận.

Tính đến nay, công ty đã sản xuất, được phép lưu hành trên 100 sản phẩm thuốc tân dược và đông dược với nhiều dạng bào chế khác nhau cùng với hệ thống phân phối rộng khắp cả nước. Nhiều sản phẩm đã trở nên thân thuộc với các thế hệ người Việt như: Bô phế Nam Hà, Coldi B, Naphacogyl, ... Nhiều sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và đã trúng thầu cung cấp cho các dự án Quốc gia như thuốc tránh thai, thuốc chống lao... Các sản phẩm của Dược Nam Hà nhiều năm liền đạt chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn; bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; chứng nhận Doanh nghiệp, Doanh nhân tiêu biểu nhiều năm liền, Cúp Vàng Thương hiệu mạnh, Giải Vàng Chất lượng quốc gia, Ngôi sao Thuốc Việt,...

Với tinh thần không ngừng đổi mới, cống hiến, Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà không chỉ thành công tại thị trường trong nước, mà còn là một trong số ít doanh nghiệp dược Việt Nam mở rộng thị trường sản phẩm ra quốc tế, mang lại niềm tự hào Việt Nam. Hiện các sản phẩm mang thương hiệu NamHaPharma đã được xuất khẩu sang các nước như: Nga, Campuchia, Philippines, Bangladesh, Myanmar, Châu Phi,...

- Các sự kiện khác/Other events

1. Nhận cờ thi đua năm 2018 của Bộ Y tế
2. Bộ Y tế tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện công cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” năm 2019
3. Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 7 năm liên tục (từ 2014 đến 2020)
4. Top 100 thương hiệu được tin dùng nhất ASIA năm 2019
5. Chủ tịch HĐQT đạt top 100 doanh nhân tiêu biểu cả nước năm 2019
6. Top 05 công ty đông dược Việt Nam uy tín năm 2020
7. Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2016 & 2020
8. Đặc biệt, năm 2020 Dược Nam Hà trở thành 1 trong 124 Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam (sản phẩm: Bô phế Nam Hà và Coldi).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- + Sản xuất thuốc (gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác), hoá dược và dược liệu;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- + Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, hội trường và kho bãi
- + Bốc xếp hàng hoá (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);
- + Bán lẻ nguyên phụ liệu, bao bì sản xuất thực phẩm chức năng;
- + Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- + Bán buôn hoá chất (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp), mua bán nguyên phụ liệu, bao bì làm thuốc; bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì sản xuất thực phẩm chức năng;
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);
- + Bán buôn thực phẩm chức năng;
- + Sản xuất thực phẩm chức năng;
- + Sản xuất mỹ phẩm.
- + Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
- + Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Nam Định, Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*. Công ty cổ phần

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*. (đính kèm)

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty TNHH MTV dược liệu xanh Nam Hà

Địa chỉ: lô 2, CN6, cụm CN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: trồng cây hàng năm (hương liệu, dược liệu, gia vị...), bán buôn dụng cụ y tế, bán lẻ thiết bị dụng cụ thể thao, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hoạt động tư vấn đầu tư

Vốn điều lệ thực góp: 1.500.000.000 đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100%

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.

+ Xây dựng chiến lược quảng bá thương hiệu Dược Nam Hà một cách chuyên nghiệp dựa trên phương châm UY TÍN - CHẤT LƯỢNG.

+ Tập trung nghiên cứu phát triển công nghệ bào chế tiên tiến, nghiên cứu phát triển các hoạt chất mới, các dạng bào chế đặc biệt để có thể bắt kịp với sự phát triển rất nhanh và mạnh của ngành dược thế giới.

+ Nghiên cứu triển khai sản xuất, mở rộng vùng nguyên liệu đông dược, đặc biệt với những nguyên liệu là thế mạnh trong nước để không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu nước ngoài.

+ Tập trung vào mảng nghiên cứu cho ra đời sản phẩm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế,... đáp ứng nhu cầu và xu hướng của người dùng

+ Nâng cấp chất lượng dịch vụ và môi trường làm việc chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ tốt, thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn cao.

+ Có chính sách phù hợp để mở rộng, chiếm lĩnh thị phần, mở rộng kênh OTC (kênh nhà thuốc, quầy thuốc), kênh ETC (kênh bán hàng bệnh viện, phòng khám), củng cố sức mạnh thông qua hệ thống phân phối bán lẻ

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

Chất lượng, thương hiệu công ty và hệ thống quản trị công ty để phát triển bền vững

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

- Xây dựng và phát triển thương hiệu Dược Nam Hà là một trong những công ty Dược uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

- Là một công ty vững mạnh về tài chính,

- Môi trường làm việc: năng động, thân thiện.

- Thương hiệu Bô phé Nam Hà: là thương hiệu số 1 trong dòng thuốc ho Bô phé Đông dược tại Việt Nam.

- Luôn đạt được và tăng trưởng cao về doanh thu và thị phần tại Việt Nam.”

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty; trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

+ Doanh thu thuần : 1.006.809.715.815 đ

+ Lợi nhuận : 45.466.629.672 đ

+ Các chi phí: 961.343.086.143 đ

+ Thị trường: nội địa

+ Sản phẩm: thuốc, thực phẩm chức năng...

+ Nguồn cung cấp: trong và ngoài nước

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện N 2020 So sánh với KH 2020	N 2020 so sánh với N 2019	KH 2021
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4	8=6/4
I	Sản xuất công nghiệp							
	Giá trị Tổng SL sản xuất	Ttr. đ	695.000	695.000	658.069	95%	95%	674.000
	Sản phẩm đạt cấp độ A	%	100%	99,00%	100%	100%	100%	99,50%
II	Doanh thu	Ttr. đ	1.052.063	1.050.000	1.074.010	102%	102%	1.300.000
III	Nộp ngân sách	Ttr. đ	26.123	theo quy định	31.631		121%	Theo quy định
IV	Việc làm - Thu nhập (11 tháng)							
	Lương bình quân công nhân	Nghìn đồng	4.908	4.900	5.080	104%	103,5%	5.000
V	Tiến bộ Khoa học kỹ thuật							
	SP được cấp số đăng ký	SP	9		12		133%	8
	SP đưa vào lưu thông:	SP	7		15		214%	8
VI	Về đầu tư thiết bị, nhà xưởng	tr. đ	120.361	35.000	64.716	185%	54%	85,73
VII	Lợi nhuận trước thuế	tr. đ	46.337	20.000	45.466	227%	98%	25.000

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

STT	Danh sách ban điều hành	Mã CĐ	Họ và tên	Trình độ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Chủ tịch HĐQT	00567	Dương Thanh Bình		30.000	0,58%
2	Tổng giám đốc	00039	Nguyễn Thanh Đông	Cử nhân kinh tế	413.388	7,95%
3	Các Phó Tổng giám đốc		Bùi Hữu Việt	Độc sỹ	0	0,00%
		00570	Tạ Văn Dũng	Bác sỹ y khoa	211.034	4,06%
		00588	Nguyễn Thị Thanh Bình	Thạc sỹ đọc học	620	0,01%
		01012	Đông Thuỳ Biên	Thạc sỹ QTKD	339.642	6,53%
		00045	Mai Thuý Hằng	Cử nhân kinh tế	3.688	0,07%
			Đình Đại Long	Cử nhân kinh tế	0	0,00%
		00118	Trần Đức Lâm		10.200	0,20%
		00611	Đông Thị Lan Hồng		1.280	0,02%
		00118	Nguyễn Cao Toàn	Cử nhân kinh tế	10.200	0,20%
			Cán Khúc Nghiên		0	
4	Các Giám đốc	00041	Nguyễn Thị Khánh Vân	Kỹ s kinh tế	17.780	0,34%
		00566	Đoàn Văn Đồi	Độc sỹ	311.552	5,99%
		00612	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Độc sỹ	800	0,02%
		00122	Đoàn Ngọc Long	Cử nhân kinh tế	194.320	3,74%
		00017	Vũ Thị Thanh Loan	Độc sỹ	1.280	0,02%
			Nguyễn Đức Thuận	Thạc sỹ PTTC	0	0,00%
			Trương Hữu Hùng	Cử nhân kinh tế	0	0,00%
		00003	Phạm Ngọc Quế	Độc sỹ	280	0,01%
		00493	Phùng Đức Hân	KSĐ tự động hóa	120	0,00%
		00571	Nguyễn Thị Đức Hạnh	Cử nhân kinh tế	1.856	0,04%
			Nguyễn Văn Chung		0	
			Ninh Công Vinh		0	
		00993	Đoàn Hải Đăng		244.457	4,70%
	Cộng				1.762.497	33,89%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

STT	Chức danh	Trước	Sau
1	Phó Tổng giám đốc		Trần Đức Lâm
2	Phó Tổng giám đốc	Đình Đại Lương	Đông Thị Lan Hương
3	Phó Tổng giám đốc		Nguyễn Cao Toàn
4	Phó Tổng giám đốc Marketing		Cán Khúc Nghiên
5	Giám đốc Chất lượng	Bùi Hữu Việt	Vũ Thị Thanh Loan
6	Giám đốc NCPT2		Nguyễn Thị Hồng Hạnh
7	Giám đốc NCPT1		Phạm Ngọc Quế
8	Giám đốc Cơ điện hơi		Phùng Đức Hân
9	Giám đốc CN Cần Thơ		Nguyễn Thị Đức Hạnh
10	Giám đốc CN Đà Nẵng		Nguyễn Văn Chung
11	Giám đốc Bán hàng bảo hiểm	Trần Đức Lâm	Ninh Công Vinh
12	Giám đốc thị trường và xuất khẩu		Đoàn Hải Đăng

- Số lượng cán bộ, nhân viên. 820 người

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Công ty trả lương theo vị trí công việc gắn với độ phức tạp của công việc, điều kiện làm việc, tình độ chuyên môn, năng lực thực tế, thời gian làm việc, kết quả hoàn thành công việc. Tiền lương trong công ty luôn đảm bảo đời sống cho người lao động và được điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn; thâm niên công tác để kích thích sự phấn đấu qua quá trình làm việc tại công ty. Công ty có vận dụng trợ cấp khu vực 2 triệu đồng/tháng đối với các lao động tại Hà Nội. Ngoài ra, đối với lao động thường xuyên phải đi lại, Công ty có hỗ trợ tiền xăng xe, ăn ca...

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình

hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

+ **Hạng mục Xây dựng Phân xưởng sản xuất Thực phẩm Bảo Vệ Sức khỏe:** với tổng số vốn đầu tư 56,9 tỷ đồng.

+ **Hạng mục Xây dựng Chi nhánh Công ty CPDP Nam Hà tại Khu vực Cần Thơ và Nghệ An:** với tổng số vốn đầu tư 25,1 tỷ đồng

+ **Hạng mục Xây dựng Trung tâm nghiên cứu & kiểm soát chất lượng và Nhà để xe:** với tổng số vốn đầu tư 32 tỷ đồng.

+ **Hạng mục Xây dựng và mở rộng Xưởng sản xuất Viên Sắt** với số vốn đầu tư 16,7 tỷ đồng.

+ **Hạng mục Xây dựng Biển quảng cáo tại Huyện Vụ Bản** với số vốn đầu tư 2,6 tỷ đồng.

+ **Hạng mục cải tạo nhà văn phòng CN HCM cũ** với số vốn đầu tư 2,18 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies):* Công ty con được thành lập từ tháng 2/2019, tháng 3/2020 đổi tên là Công ty TNHH MTV dược liệu xanh Nam Hà; công ty CPDP Nam Hà góp vốn 100% là 1.5 tỷ đồng. Trong năm 2020, công ty chủ yếu là tìm hướng phát triển nguồn dược liệu theo tiêu chuẩn GACP, tìm kiếm sản phẩm; chưa phát sinh doanh thu.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	% tăng giảm % change
------------------------------------------	----------------------	----------------------	-----------------------------

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	577.863.177.633	746.455.038.857	29,18%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	999.359.173.943	1.006.809.715.815	0,75%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	46.753.132.327	39.318.643.895	- 15,90%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-415.543.061	6.147.985.777	- 1579,51%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	46.337.589.266	45.466.629.672	-1,88%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	36.884.372.265	36.125.872.323	-2,06%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	49,34%	28,79%	- 41,66%

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	Ghi chú Note
<i>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,09	1,03	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i>	0,56	0,60	

<i>Short term Debt</i>		
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,59	0,66
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	1,44	1,93
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>	2,32	1,02
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1,73	1,35
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,04	0,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,16	0,14
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,06	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,05	0,04

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions: (bỏ qua)*

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number*

and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

STT	Cổ phần đang lưu hành	Tổng số
1	Cổ phiếu phổ thông	5.200.000
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	5.200.000
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

STT	Phân loại	Số lượng	Số CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	488		
	Cổ đông lớn	8	2.806.297	53,97%
	Cổ đông nhỏ	480	2.393.703	46,03%
2	Theo tổ chức/cá nhân			
	Cổ đông tổ chức	0	0	0,00%
	Cổ đông cá nhân	488	5.200.000	100,00%
3	Theo trong nước/ngoài nước			
	Cổ đông trong nước	488	5.200.000	100,00%
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%

4	Theo cổ đông nhà nước/khác			
	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	488	5.200.000	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.* không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.* Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*: 355.282.076.536 VND

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly*: 4.379.684 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước: **Công ty TNHH Một Thành viên KD Nước sạch Nam Định**

Lượng nước sử dụng: 62.095 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: 0*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment 0 đ*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số lượng lao động: 820 người

Mức thu nhập trung bình đối với công nhân sản xuất: 5.080.000 /người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Hàng năm đào tạo cho công nhân về việc chấp hành các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO

+ Cử CBCNV tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn (thăm định đánh giá tạp chất trong thuốc, định hướng nito toàn phần, đăng ký và lưu hành thuốc...)

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *Assessment of operating results and/ The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.* : Không có biến động lớn, công nợ luôn nằm trong tầm kiểm soát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

+ Thành lập thêm Chi nhánh Nghệ An, năm 2020 tiếp tục thành lập Chi nhánh Cần Thơ để mở rộng thị trường

+ Chính sách bán hàng: chuyển từ hình thức bán buôn sang bán lẻ nhằm mở rộng khách hàng, các chính sách chăm sóc tới đúng khách hàng

+ Thành lập công ty con để tăng cường lợi nhuận

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

4.1. Tổng giá trị hàng sản xuất : 695 tỷ

4.2. Tổng doanh thu toàn công ty: 1.100 tỷ

4.3. Chất lượng sản phẩm đạt loại A: 99,5%

4.4. Nộp ngân sách theo luật định

4.5. Việc làm - Thu nhập:

- Đảm bảo đủ việc làm cho: 800 lao động.

- Lương bình quân CNSX: 4,6 triệu/ người/tháng

4.6. Đầu tư máy móc, thiết bị, xây dựng:

Dự kiến giải ngân năm 2020 là: 50 tỷ

4.7. Lợi nhuận trước thuế : 20 tỷ đồng

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved): không có*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

Công ty đã cải tạo hệ thống đường cống thoát nước từ những năm 2000, đảm bảo rằng tất cả nước thải khu sản xuất đều được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, Rác thải cũng được thu gom và xử lý theo quy định

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Hàng năm công ty tổ chức thăm hỏi và tài trợ cho các gia đình chính sách, các cháu tàn tật tại địa phương

- Tham gia các chương trình từ thiện tại địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Với các biện pháp chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và ban Tổng giám đốc, toàn bộ CBCNV của Công ty đã an toàn vượt qua các đợt đại dịch lớn tại Việt nam (tháng 3 tại HN, HCM và tháng 7 tại Đà Nẵng, Quảng Nam, và gần đây nhất là đại dịch ở Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Ninh). Nhưng TRONG NGUY CỐ CỠ, đại dịch COVID – 19 cũng mang lại nhiều cơ hội tới cho SXKD của Công ty, mặt hàng dung dịch rửa tay sát khuẩn NAPHAR DECOVI hay nước súc miệng Naphar Smile đã nhanh chóng ra đời, cung cấp cho hệ thống bán hàng của Công ty đáp ứng nhu cầu cấp bách của thị trường. Mặt hàng viên sủi Naphar Multi Pluss cũng tăng sản lượng 1 cách đáng kể. Các mặt hàng truyền thống có thương hiệu như Bỏ phế Nam Hà, viên ngậm Bỏ phế, xịt mũi Coldi B, bỏ phế không đường v.v.. doanh thu cũng tăng do nhu cầu của người tiêu dùng. Doanh thu năm 2020 của Công ty vì vậy vẫn tăng trưởng, các chỉ tiêu trong Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 vẫn đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Ngoài việc xây dựng định hướng phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, đưa ra các bất cập về sản xuất kinh doanh để Ban TGD xử lý, Hội đồng quản trị còn thực hiện công tác đôn đốc, giám sát thực hiện Nghị quyết HĐQT, các quy chế, quy trình và mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, thông qua các cuộc họp HĐQT và báo cáo tháng.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng mảng công việc khác nhau; trực tiếp tham gia các cuộc họp, định kỳ kiểm tra, giám sát các báo cáo tháng, các biên bản cuộc họp... Trong năm 2020, HĐQT đã tham gia một số cuộc họp ban Tổng giám đốc mở rộng. Các công việc ban Tổng giám đốc đã triển khai nhằm mang lại lợi nhuận cao cho công ty như:

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện phê duyệt kế hoạch mục tiêu, đề ra các giải pháp để thực hiện của từng bộ phận: Sản xuất, kinh doanh, các chi nhánh ngay từ những ngày đầu tiên của năm.

- Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch chi phí, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phê duyệt các chương trình khuyến mại, quảng cáo đối với các mặt hàng trọng điểm.

- Tiến hành đề xuất bổ nhiệm nhân sự với HĐQT và bổ nhiệm nhân sự phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đấu thầu cạnh tranh để mua dược liệu, bao bì, thiết bị và xây dựng cơ bản...

- Chú trọng vào công tác phát triển SP, hàng loạt SP đã được cấp số ĐK và nhanh chóng được tung ra thị trường như : Tiêu độc, Mebendazol, Tecpin Codein, New Choice EC izzy, Naphar Decovi, Naphar Smile, X-trĩ, Naphalax, Xoan-go Nam Hà, BỔ phé Nam Hà dạng xịt, Mê thảo, Mê thảo Foam, Isoflavon nội tiết tố nữ, Megumi, GCM xương khớp v.v...tổng số đã có 15 SP có số ĐK mới được SX và đưa vào lưu thông / 16 SP được cấp số ĐK, đạt tỷ lệ 93,75% . Các SP mới đều đang được triển khai 1 cách bài bản, hình ảnh thiết kế bao bì mẫu mã chuyên nghiệp cao, triển vọng tăng doanh thu rất lớn.

HĐQT luôn đánh giá cao những cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và những đóng góp, thành tích đã đạt được của Ban Tổng Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty trong suốt 1 năm vừa qua

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Đưa dự án ERP vào áp dụng thực tế trên phạm vi toàn Công ty, tiến tới thay thế toàn bộ phần mềm ACSOFT đã lạc hậu.

- Mặc dù năm 2021 nền kinh tế trong và ngoài nước vẫn tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, HĐQT tiếp tục định hướng lãnh đạo, chỉ đạo ban Ban Tổng Giám đốc nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, phát triển sản phẩm để đưa doanh thu Công ty lên mức 1.300 tỷ tăng trưởng 226 tỷ về số tuyệt đối, tăng 21% so với năm 2020. Đồng thời tiếp tục tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước có đủ năng lực và đáp ứng yêu cầu theo qui định chung của ngành để tìm kiếm thêm nhiều sản phẩm mới có chất lượng và hiệu quả cao .

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc không ngừng đổi mới, tiến hành đánh giá và trả lương theo kết quả công việc đối với các cán bộ quản lý, trước mắt là áp dụng đối với các thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý cấp cao, tiến tới xây dựng lại qui chế lương, chi trả lương theo kết quả công việc đối với tất cả CBCNV đang làm việc tại Công ty. Thường xuyên nâng cao môi trường văn hóa công ty, sử dụng quỹ phúc lợi để chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, công nhân viên tạo cơ hội đoàn kết, gắn bó của các cá nhân và tập thể trong toàn công ty.

- HĐQT chỉ đạo và cùng triển khai với công ty Dược liệu xanh việc ký hợp đồng cùng xây dựng vùng trồng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP với bà con nông dân tại Bắc Hà Lào cai, làm đề nghị xin cấp chứng chỉ GACP Dược liệu cho Công ty.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).bỏ qua

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

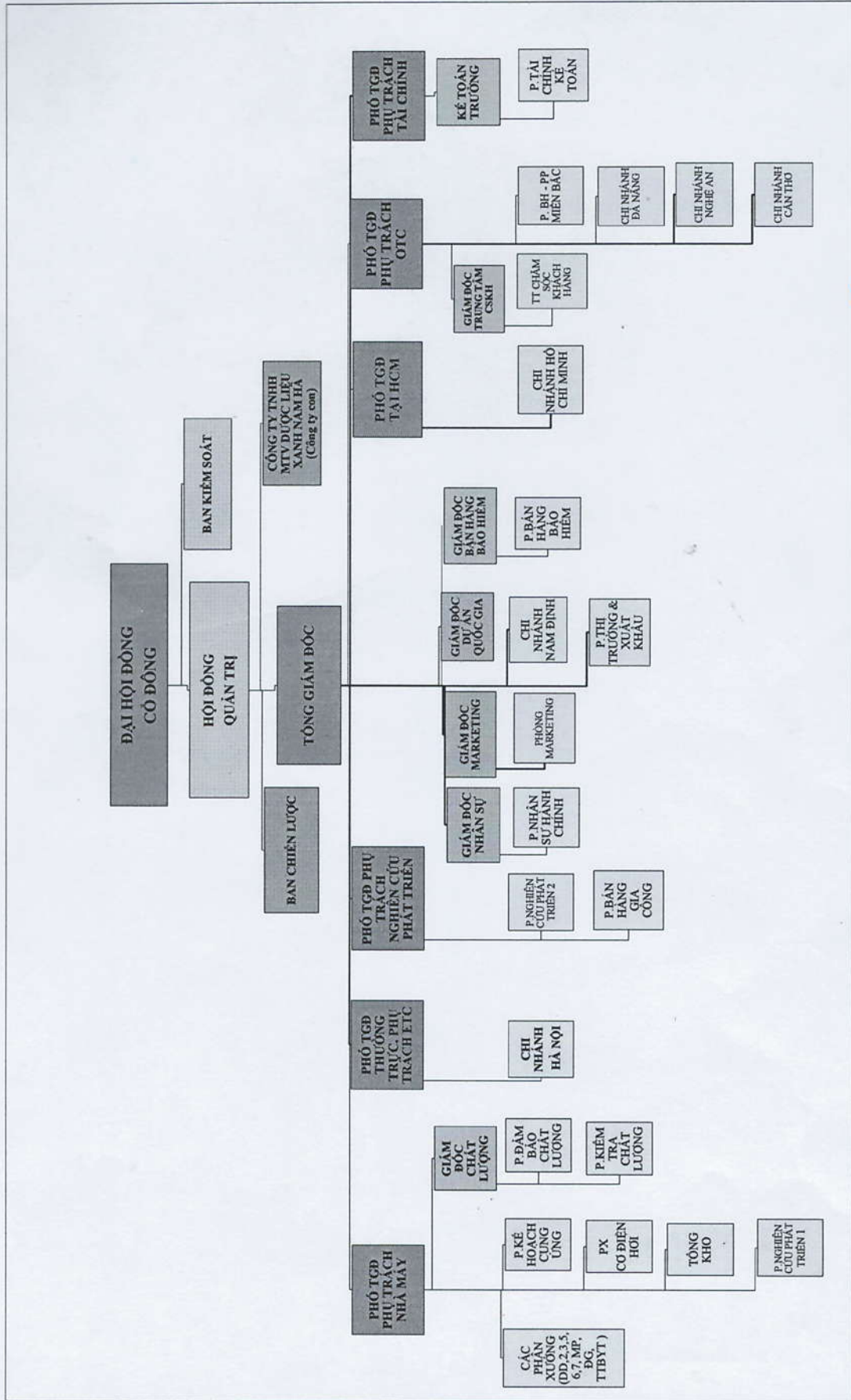
chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ VÀ CÔNG TY CON (đến ngày 30/6/2020)



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

----- : Mọi quan hệ công ty mẹ - công ty con
 ———— : Mọi quan hệ nội bộ công ty mẹ